

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 910/2025/DS-ST
Ngày: 30 - 09 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Lê Thị Hoàng Liễu

2- Bà Phạm Thị Hồng Lài

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 04 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 08 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 354/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 09 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 Lầu 8, Nam Kỳ Khởi N, phường X (Phường V, Quận F cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng (S): Bà **Nguyễn Đức Thạch D**, sinh năm: 1973. Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng (S): Ông **Vũ Minh Q**. Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ S (Giấy ủy quyền số 1439/2024/GUQ-PC ngày 22/05/2024).

Ông Vũ Minh Q ủy quyền lại cho ông **Dương Văn T**, sinh năm: 1987. Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ; Địa chỉ: Số 266-268 Lầu 8, Nam Kỳ Khởi N, phường X (Phường V, Quận F cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số:

545/2025/UQ-TT.XLN ngày 25/02/2025). (vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm: 2004. (vắng mặt)

Địa chỉ: E10/5B Ấp Q, xã V (ấp A, xã L, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có ông Dương Văn T trình bày như sau:

Ngày 28/09/2023, ông Nguyễn Quốc T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng, hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ Visa; Số thẻ: 436438-6125; Hạn mức là 50.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng là ngày 28/09/2023; Lãi suất áp dụng là 2.48%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nguyễn Quốc T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 149.380.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Nguyễn Quốc T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Nguyễn Quốc T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 101.247.900 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước.
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Quốc T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Quốc T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 05/04/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 55.824.180 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông Nguyễn Quốc T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Quốc T phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 30/09/2025 là 93.442.134 đồng. Cụ thể: Loại thẻ Visa có số thẻ là: 436438-6125, nợ gốc là 55.824.180, lãi quá hạn là 37.617.854 và lãi suất áp dụng là 3.72% (2.48% x 150%).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Quốc T, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Nguyễn Quốc T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị giải quyết những vấn đề đối với bị đơn là ông Nguyễn Quốc T là:

Buộc Ông Nguyễn Quốc T phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2025 là 93.442.134 đồng (Chín mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 55.824.180 đồng.
- Lãi quá hạn : 37.617.854 đồng.

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt.

Bị đơn – Ông Nguyễn Quốc T đã được Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt tại địa chỉ: E10/5B Ấp Q, xã V (ấp A, xã L, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Quốc T vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

các phiên tòa xét xử, ông Nguyễn Quốc T không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Quốc T vắng mặt không lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Qua tài liệu chứng cứ mà đương sự cung cấp cho Tòa án và các chứng cứ Tòa án thu thập thì có cơ sở xác định ông Nguyễn Quốc T có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 28/09/2023 với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất 2.48% ông Tiến có kích hoạt thẻ sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn – ông Nguyễn Quốc T vắng mặt, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, ông Tiến phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ chứng minh được quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Về án phí: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Nguyễn Quốc T, địa chỉ cư trú tại xã V (xã A, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn – ông Nguyễn Quốc T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định là Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn – ông Nguyễn Quốc T phải thanh toán số tiền là: 93.442.134 đồng (tạm tính đến ngày 30/09/2025) (trong đó nợ gốc: 55.824.180 đồng, nợ lãi quá hạn: 37.617.854 đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[5] Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý số 312 ngày 28/04/2025 theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Nguyễn Quốc T về việc thanh toán nợ do vi phạm hợp đồng tín dụng. Theo phiếu xác minh số: 1455/TAHBC ngày 06/05/2025 gửi Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Công an xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh) xác nhận: “Đương sự Nguyễn Quốc T, sinh năm: 2004, đăng ký thường trú tại E10/5B Ấp G, xã V (xã A, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay nhà đã bán, cả hộ ông Tiến hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Nhà không số, Ấp D, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh từ khoảng tháng 06/2024 đến nay”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định bị đơn đã thay đổi địa chỉ mới tại xã V, Thành phố Hồ Chí Minh thì vẫn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung là đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 28/09/2023, số thẻ: 436438-6125 (loại thẻ Visa), hạn mức: 50.000.000 đồng, lãi suất áp dụng: 2,48%/tháng, bị đơn đã thực hiện kích hoạt thẻ, giao dịch với số tiền tổng cộng là 149.380.900 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 101.247.900 đồng thì ngưng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ được quy định tại các điều khoản ghi trong hợp đồng nên ngày 05/04/2024 Ngân hàng đã

chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 30/09/2025 thì bị đơn còn nợ 93.442.134 đồng (trong đó nợ gốc: 55.824.180 đồng, nợ lãi quá hạn: 37.617.854 đồng). Do đó, có cơ sở xem xét yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng.

[8] Bị đơn không liên hệ nguyên đơn để thương lượng thỏa thuận giải quyết số nợ còn thiếu, kéo dài thời gian trả nợ, không cung cấp hay thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới, nơi làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình coi như từ bỏ quyền trình bày của mình tại phiên tòa. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 93.442.134 đồng (tạm tính đến ngày 30/09/2025) (trong đó nợ gốc: 55.824.180 đồng, nợ lãi quá hạn: 37.617.854 đồng), ngoài ra bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

- Buộc ông Nguyễn Quốc T trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 93.442.134 đồng (Chín mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng) (tạm tính đến ngày 30/09/2025) (trong đó nợ gốc: 55.824.180 đồng, nợ lãi quá hạn: 37.617.854 đồng)

- Buộc ông Nguyễn Quốc T còn phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 theo lãi suất các bên thỏa thuận được quy định tại hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ vay.

- Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện việc giao nhận tiền tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí: Ông Nguyễn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.672.107 đồng (Bốn triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm lẻ bảy đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là 1.932.509 đồng (Một triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm lẻ chín đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0052358 ngày 25/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (6);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND khu vực 10, TP. HCM (2);
- Thi hành án dân sự TP. HCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

Ôn Kim Chi